

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI 9 THÁNG ĐẦU NĂM,
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC 3 THÁNG CUỐI NĂM 2016

A. Tình hình chung:

9 tháng đầu năm 2016, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục duy trì xu hướng hồi phục tương đối, kinh tế trong nước vẫn còn những khó khăn, thách thức, số doanh nghiệp giải thể hoặc tạm ngừng hoạt động nhiều; hạn hán xảy ra trên diện rộng trong thời gian dài và các hiện tượng thời tiết cực đoan trong thời gian qua đã ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống người dân, làm giá trị sản xuất công nghiệp, nhất là thủy điện và đường tinh chế giảm mạnh đã phần nào ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh.

Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra và tập trung nỗ lực phấn đấu ở mức cao nhất để hoàn thành các nhiệm vụ của năm 2016 mà Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/12/2015 của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X- Kỳ họp thứ 11 đã đề ra, ngay từ đầu năm ngành Công Thương đã thực hiện đồng bộ các giải pháp đề ra, cùng với sự phối hợp tốt của các ngành, kịp thời có các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, góp phần bình ổn thị trường, nhất là các mặt hàng thiết yếu. Trong 9 tháng đầu năm các chỉ tiêu kinh tế của ngành đều đạt được các kết quả khả quan, cụ thể như sau:

I. Thực hiện kế hoạch 9 tháng đầu năm 2016:

1. Giá trị sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp ước thực hiện 9 tháng năm 2016 giảm 4,68% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó: công nghiệp khai khoáng tăng 7,16%; công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 15,75% so với cùng kỳ, công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 14,67%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,63%.

Tổng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện tháng 9 đạt 1.659,35 tỷ đồng, ước thực hiện 9 tháng/2016 ước đạt 11.254,17 tỷ đồng, đạt 67,56% kế hoạch, tăng 0,85% so với cùng kỳ.

2. Tình hình một số nhóm ngành công nghiệp chính:

Công nghiệp khai khoáng: Ước thực hiện tháng 9 đạt 8,52 tỷ đồng, 9 tháng/2016 ước đạt 106,22 tỷ đồng, đạt 41,98% kế hoạch, tăng 19,07% so với cùng kỳ.

Công nghiệp chế biến, chế tạo: Ước thực hiện tháng 9 đạt 1.103,27 tỷ đồng, 9 tháng ước thực hiện 8.064,87 tỷ đồng, đạt 79,98% kế hoạch, tăng 6,52% so với cùng kỳ. Tình hình một số ngành công nghiệp chế biến chủ yếu như sau:

- Chế biến đường tinh chế: Những tháng đầu năm đến nay, tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, nắng hạn kéo dài nên nguồn nguyên liệu mía phục vụ cho các nhà máy chế

biến đường tinh chế giảm so cùng kỳ năm trước, do đó sản lượng đường tinh chế 9 tháng/2016 đạt thấp so với kế hoạch và giảm mạnh so với cùng kỳ.

Sản lượng đường tinh chế 9 tháng/2016 đạt 135.559 tấn, đạt 54,22% kế hoạch, giảm 22% so với cùng kỳ.

- Chế biến tinh bột sắn: Các nhà máy chế biến tinh bột sắn đã hoàn tất việc bảo trì thiết bị để đi vào hoạt động mùa vụ mới; trong đó: Nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai cơ sở 1 – Chi nhánh Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi đi vào hoạt động ngày 19/8/2016, sản lượng tinh bột sắn tháng 9 ước thực hiện 3.500 tấn, 9 tháng ước thực hiện 19.826 tấn; nhà máy sản xuất tinh bột sắn Gia Lai cơ sở 2 – Chi nhánh Công ty CP Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi và Nhà máy chế biến sắn Phú Túc – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thực phẩm và Đầu tư Fococev dự kiến hoạt động sản xuất trở lại vào đầu tháng 10/2016. Sản lượng tinh bột sắn tháng 9 ước thực hiện 3.500 tấn, 9 tháng/2016 thực hiện 77.919 tấn, đạt 77,92% kế hoạch năm, tăng 23,97% so với cùng kỳ.

- Chè các loại: Tháng 9 ước thực hiện 275 tấn, 9 tháng đạt 1.016 tấn, đạt 59,06% kế hoạch, giảm 14,39% so với cùng kỳ. Nguyên nhân giảm do 6 tháng đầu năm tình hình nắng hạn kéo dài nên sản lượng chè đạt thấp so với cùng kỳ.

- Chế biến sữa: 9 tháng/2016, Nhà máy sữa tươi 100% - Công ty CP dinh dưỡng Nutifood Tây Nguyên sản xuất được 2.192.000 lít sữa, đạt 11% kế hoạch.

- Đá Granít: Tháng 9 ước thực hiện 90.200 m², 9 tháng đầu năm ước thực hiện 913.061 m², đạt 72,47% kế hoạch, tăng 16% so với cùng kỳ.

- Phân vi sinh: Do thị trường tiêu thụ chậm nên sản lượng phân vi sinh 9 tháng/2016 đạt thấp so với kế hoạch và giảm mạnh so với cùng kỳ. Tháng 9 ước thực hiện 935 tấn, 9 tháng/2016 thực hiện 13.598 tấn, đạt 17% kế hoạch, giảm 64,56% so với cùng kỳ.

- Sản phẩm MDF: Tháng 9 ước thực hiện 4.000 m³, 9 tháng ước thực hiện 25.784 m³, đạt 47,75% kế hoạch năm, giảm 13,56% so với cùng kỳ.

- Xi măng: 9 tháng ước đạt 3.500 tấn, đạt 35% kế hoạch, tăng 18,08% so với cùng kỳ. Nguyên nhân đạt thấp so với kế hoạch do thị trường tiêu thụ chậm nên sản xuất cầm chừng, bên cạnh đó, nhà máy xi măng Gia Lai đã chuyển đổi sang sản xuất phân hữu cơ vi sinh và phân hóa học nên sản lượng xi măng đạt thấp so với kế hoạch.

Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước: Tuy trong quý III/2016 lượng mưa trên địa bàn tỉnh tương đối lớn, nhưng do 6 tháng/2016, tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, nắng hạn kéo dài, lưu lượng nước về hồ đạt thấp so với trung bình các năm nên sản lượng điện sản xuất trong 9 tháng/2016 vẫn đạt thấp so với kế hoạch và cùng kỳ.

Giá trị sản xuất công nghiệp ước thực hiện tháng 9 đạt 541,6 tỷ đồng, 9 tháng/2016 ước thực hiện 3.043,58 tỷ đồng, đạt 48,7% kế hoạch, giảm 12,07% so với cùng kỳ.

Sản lượng điện sản xuất trên địa bàn tháng 9 ước đạt 502 triệu KWh, 9 tháng ước đạt 2.925,71 triệu KWh, đạt 47,09% kế hoạch, giảm 14,18% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Sản lượng điện sản xuất của quốc doanh trung ương tháng 9 ước đạt 408,475 triệu KWh, 9 tháng ước đạt 2.311,89 triệu KWh, đạt 47,81% kế hoạch, giảm 16,79% so với cùng kỳ.

- Sản lượng điện sản xuất của địa phương tháng 9 ước đạt 93,52 triệu KWh, 9 tháng ước đạt 613,82 triệu KWh, đạt 44,57% kế hoạch, giảm 2,68% so với cùng kỳ.

Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải: Ước thực hiện tháng 9 đạt 5,96 tỷ đồng, 9 tháng ước thực hiện 39,51 tỷ đồng, đạt 56,45% kế hoạch, tăng 4,17% so với cùng kỳ.

2. Hoạt động thương mại:

2.1. Tình hình thị trường giá cả:

Trong 9 tháng đầu năm thị trường hàng hóa diễn biến tương đối ổn định. Nguồn cung lương thực, thực phẩm, rau, quả... được các đơn vị kinh doanh thương mại, chuẩn bị đầy đủ, đa dạng chủng loại nên không có hiện tượng khan hiếm hàng, đảm bảo phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân, hoạt động của thị trường sôi động. Không có hiện tượng khan hàng, sốt giá vào các thời điểm Tết Nguyên đán, lễ 30/4, ngày 1/5, ngày 2/9. Công tác quản lý thị trường luôn được tăng cường và giám sát chặt chẽ; đảm bảo không để xảy ra các vấn đề bất ổn về giá cả cũng như chất lượng hàng hóa.

2.2. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9/2016 ước đạt 4.058,51 tỷ đồng, tăng 8,89% so với tháng báo cáo cùng kỳ năm trước. Ước thực hiện 9 tháng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 34.217,42 tỷ đồng đạt 77,41% kế hoạch và tăng 14,57% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó kinh tế Nhà nước ước đạt 1.740,88 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 5,09%, kinh tế tập thể đạt 5,16 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 0,01%, kinh tế cá thể đạt 16.849,24 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 49,24%, kinh tế tư nhân đạt 15.622,14 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 45,66%.

2.3. Công tác xuất, nhập khẩu và kinh tế biên mậu:

a. Xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh ước thực hiện tháng 9 đạt 42,56 triệu USD, ước thực hiện 9 tháng đạt 279,86 triệu USD đạt 70% kế hoạch, tăng 28,4% so với cùng kỳ.

Tình hình hoạt động xuất khẩu trong quý III gặp nhiều khó khăn do khối lượng mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm so với các tháng đầu năm, chủ yếu là cà phê do khan hiếm hàng hóa, tồn kho trong dân còn ít. Tuy nhiên, thời điểm thu hoạch niên vụ cà phê 2016 - 2017 sắp tới, giá cà phê xuất khẩu có chiều hướng tăng nên kim ngạch xuất khẩu những tháng cuối năm dự kiến sẽ tăng.

Giá cà phê xuất khẩu bình quân đạt 1.720 USD/tấn, giảm 4,8% so với cùng kỳ. Giá thu mua nội địa hiện nay ở mức 39.500 - 40.500đ/kg; Giá cao su xuất khẩu vẫn chậm phục hồi, giảm 16% so với cùng kỳ nên mặc dù lượng tăng nhưng giá trị kim ngạch tăng không tương ứng.

Một số mặt hàng xuất khẩu ước thực hiện 9 tháng/2016 (so với cùng kỳ):

Cà phê: 100.762 tấn/173,4 triệu USD tăng 52,77% về lượng, tăng 43,84% về giá trị; Mủ cao su: 6.343 tấn/8,4 triệu USD, tăng 45,37% về lượng, tăng 22,71% về giá trị; Sản lát: 94.828 tấn/17,21 triệu USD, tăng hơn 2,5 lần về lượng, tăng hơn 2 lần về giá trị; Gỗ tinh chế: 5,72 triệu USD, giảm 35,08% về giá trị; hàng khác đạt: 75,13 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ.

b. Nhập khẩu: Kim ngạch nhập khẩu ước 9 tháng đạt 100 triệu USD, đạt 68,9% kế hoạch, giảm 30,4% so với cùng kỳ.

Kim ngạch nhập khẩu giảm tập trung vào các mặt hàng nông sản (sắn lát, hạt điều...) và bò thịt của công ty cổ phần chăn nuôi Gia Lai; các mặt hàng nông sản nhập khẩu chủ yếu qua cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh với số lượng nhỏ, không nhập ồ ạt như mùa vụ các năm trước. Do Campuchia chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang cây công nghiệp dài ngày vì vậy diện tích đất trồng cây nông nghiệp ngắn ngày của Campuchia

ngày càng bị thu hẹp; giá thu mua nông sản tại thị trường các tỉnh Việt Nam với các tỉnh Campuchia đối diện có sự chênh lệch do chi phí vận chuyển hàng hóa và các chi phí khác, do đó giá thu mua nông sản tại cửa khẩu Lệ Thanh thường thấp hơn so với các tỉnh khác như các cửa khẩu Hoa Lư/Bình Phước, Mộc Bài/Tây Ninh, nên không kích thích nhập khẩu.

Ước thực hiện các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như sau: Sắn lát: 71.200 tấn/11,53 triệu USD, giảm 51,27% về lượng, giảm 65,13% về giá trị; gỗ nguyên liệu 24,77 triệu USD, tăng 13,49% so với cùng kỳ; hạt điều: 18.540 tấn/27,83 triệu USD, giảm 23,07 % về lượng, giảm 8,89% về giá trị; bò thịt: 17,54 triệu USD, giảm 65,52% so với cùng kỳ.

c. Kinh tế biên mậu

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua biên giới ước 9 tháng/2016 đạt 124,12 triệu USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ. Do kim ngạch nhập khẩu gỗ tăng; trong đó:

- Xuất khẩu đạt 34,62 triệu USD (các doanh nghiệp trong tỉnh đạt 19,51 triệu USD), tăng 8,35% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu: Xăng dầu: 17,37 triệu USD, giảm 16,89% so với cùng kỳ; Hàng bách hóa: 1,77 triệu USD giảm 46,69 % so với cùng kỳ; Năng lượng điện: 2,56 triệu USD; Gỗ nguyên liệu: 10,5 triệu USD và Một số hàng hóa khác.

- Nhập khẩu đạt 89,5 triệu USD (các doanh nghiệp trong tỉnh đạt 73,3 triệu USD), tăng 4,7% so với cùng kỳ. Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu: Sắn lát: 88.485 tấn/14,4 triệu USD, giảm 39,44% về lượng, giảm 56,44% về giá trị so với cùng kỳ; Hạt điều: 21.040 tấn/31,06 triệu USD, tăng 1,7% về giá trị; Gỗ nguyên liệu: 33,7 triệu USD, tăng 70% so với cùng kỳ.

2.4. Thực hiện cung ứng hàng chính sách:

- Hàng cấp không thu tiền: Muối iốt tháng 9 ước đạt 133 tấn, ước thực hiện 9 tháng đạt 2.433 tấn, đạt 89,06% kế hoạch; phân bón, giống cây trồng 9 tháng hỗ trợ 18.615,17 triệu đồng, đạt 84,51% kế hoạch; bò giống 9 tháng hỗ trợ 2.000 con, đạt 100 % kế hoạch.

3. Công tác khuyến công và xúc tiến thương mại:

3.1. Khuyến công:

Hoàn thiện 02 đề án: Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị trong sản xuất hạt điều; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia 100 gian hàng tại Hội chợ triển lãm liên kết vùng kinh tế Tây Nguyên Gia Lai 2016; tổ chức bình chọn cho 27 sản phẩm, 13 bộ sản phẩm công nghiệp nông thôn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh Gia Lai năm 2016 cho 10 sản phẩm, 09 bộ sản phẩm. Đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm CNNTTB cấp khu vực, kết quả có 03 sản phẩm đạt giải.

3.2. Xúc tiến Thương mại:

Xuất bản 09 số bản tin Công nghiệp và Thương mại (75 quyển/số/ tháng); cung cấp các thông tin về các lĩnh vực Xuất nhập khẩu, giá cả thị trường tin trong nước, tin Quốc tế và các thông tin địa phương lên Website của trung tâm qua trang thông tin điện tử www.tipcgialai.vn; xây dựng 09 chuyên mục Truyền hình Công Thương (1 tháng/1chuyên mục) phát sóng Đài phát thanh truyền hình Gia Lai với những nội dung theo kế hoạch đã được phê duyệt; mời gọi các Doanh nghiệp trong tỉnh tham gia Hội chợ triển lãm trong và ngoài nước; tham gia Hội chợ Công Thương khu vực Miền Trung – Tây Nguyên 2016 tại tỉnh Đắk Lắk; tổ chức 03 phiên chợ đưa hàng Việt về

nông thôn: Tại huyện IaPa (kinh phí địa phương); tại huyện Đăk Đoa và K'Bang (kinh phí Quốc gia).

4. Công tác quản lý thị trường:

9 tháng đầu năm 2016, lực lượng Quản lý thị trường thực hiện kiểm tra 2.694 vụ, xử lý vi phạm 1.297 vụ bao gồm: Hàng cấm 111 vụ, hàng lậu 49 vụ, vi phạm về hàng giả và quyền sở hữu trí tuệ 13 vụ, vi phạm trong kinh doanh 960 vụ, vi phạm về an toàn thực phẩm 60 vụ, vi phạm khác 164 vụ. Tổng số tiền thu phạt nộp ngân sách nhà nước là 5.788,21 triệu đồng. Trị giá hàng hóa tịch thu trong kỳ là 723,95 triệu đồng, trị giá hàng tiêu hủy trong kỳ là 168,15 triệu đồng.

5. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Trong 9 tháng đầu năm 2016, Sở đã thực hiện 06 cuộc thanh tra tại 31 tổ chức và 05 cá nhân thuộc các lĩnh vực hoạt động điện lực; sản xuất và kinh doanh thuốc lá; an toàn thực phẩm. Không có tổ chức nào có hành vi vi phạm phải xử lý vi phạm hành chính.

Trên cơ sở tiếp nhận 03 hồ sơ đề nghị xử phạt vi phạm hành chính, Sở Công Thương đã ra 03 Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với 01 tổ chức và 02 cá nhân đã có hành vi vi phạm, với tổng số tiền xử phạt là 75 triệu đồng.

6. Công tác cải cách hành chính:

Sở Công Thương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 công bố mới 02 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Thương mại biên giới và lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ. Duy trì hệ thống dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <http://dvcgialai.ekip.info>, triển khai áp dụng 41 thủ tục hành chính ở mức độ 3.

Đến nay các thủ tục hành chính của Sở đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia, niêm yết công khai tại “Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ”, trên trang thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ: <http://sct.gialai.gov.vn> đảm bảo đúng quy định. Bộ phận “tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ” của Sở đã kiểm tra hồ sơ, hoàn chỉnh thủ tục chuyển các phòng chức năng giải quyết 1.001 hồ sơ thuộc các lĩnh vực của ngành Công Thương (trong đó: 554 hồ sơ 1 cửa, 389 hồ sơ biên nhận thông báo khuyến mãi; 58 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến), đã giải quyết và trả kết quả 992 hồ sơ cho tổ chức, cá nhân, hiện nay còn 09 hồ sơ đang trong thời gian thẩm định giải quyết, không có hồ sơ trễ hạn.

7. Công tác quản lý, phát triển điện lực:

Quy hoạch phát triển điện lực Tỉnh giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035: đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 18/7/2016, đang chờ Sở Kế hoạch – Đầu tư thẩm định trình cấp thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình Sở Tài chính xem xét, bố trí vốn thực hiện. Hiện trạng lưới điện phân phối: Đến nay, số xã, phường, thị trấn đã có lưới điện quốc gia của tỉnh Gia Lai là 222/222, đạt 100% với 312.910/319.992 hộ dân sử dụng điện, đạt 97,79%. Cụ thể, lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh như sau: Đường dây trung thế có tổng chiều dài: 4.486,57km, đường dây hạ áp thế có tổng chiều dài là 4.216,43km, tổng số trạm biến áp là 3.893 trạm với tổng dung lượng 619.613 kVA. Về nguồn điện: Tổng số dự án nhiệt điện được quy hoạch trên địa bàn tỉnh là 03 dự án, hiện có 08 nhà máy thủy điện lớn đang vận hành trên địa bàn tỉnh với tổng công suất là 1907MW. Tổng số thủy điện vừa và nhỏ được quy hoạch trên địa bàn tỉnh là 73 thủy điện. Trong đó: 35 thủy điện đang vận hành với tổng công suất 286,95MW; 06 thủy điện đang triển khai đầu tư với tổng công suất 56,5MW; 13 thủy điện có trong quy hoạch nhưng chưa có chủ trương

đầu tư với tổng công suất 39,9MW; 17 thủy điện đã loại khỏi quy hoạch với tổng công suất 44,65MW-02 thủy điện đã dừng vận hành với tổng công suất 0,405MW.

Tích cực triển khai thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện, ước sản lượng điện tiết kiệm trong tháng 9 của toàn tỉnh là 850.000kWh so với cùng kỳ (tương đương 1.516,4 triệu đồng). Lũy kế 9 tháng /2016, ước sản lượng tiết kiệm điện đạt 13.688.094kWh so với cùng kỳ (tương đương 24.419,56 triệu đồng). Sản lượng điện tiết kiệm được trên các lĩnh vực: Hành chính sự nghiệp và chiếu sáng công cộng 699.203 kwh; ánh sáng sinh hoạt 7.566.208 kwh; sản xuất kinh doanh 4.871.052 kwh; các lĩnh vực khác 551.631 kwh.

8. Một số công tác khác:

Xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 147/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa X – kỳ họp thứ 11; xây dựng Chương trình hành động thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu ngành công thương tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 – 2021; xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Quyết định 440a/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Nghị quyết số 19/2016/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; xây dựng Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Quyết định số 17/2016/QĐ-UBND; xây dựng phương hướng hợp tác thương mại Việt nam - Campuchia giai đoạn 2016-2020 báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương; Xây dựng kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 – 2020; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phối hợp Đảng ủy khối doanh nghiệp năm 2016; Kế hoạch phát triển công nghiệp thương mại năm 2017; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2016.

Thực hiện các báo cáo: Sơ kết 03 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; kết quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật 6 tháng đầu năm 2016; phục vụ hội nghị tổng kết lĩnh vực công thương năm 2015; phục vụ hội nghị sơ kết lĩnh vực công thương của phòng Kinh tế hạ tầng, phòng Kinh tế các huyện, thị xã, thành phố 6 tháng năm 2016; đánh giá tình hình thực hiện công tác quy hoạch và rà soát các quy hoạch năm 2016, giai đoạn 2016 – 2020 của ngành Công Thương; đánh giá tình hình thực hiện chương trình MTQG XDNTM 6 tháng đầu năm 2016; tổng kết 05 năm thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế; kết quả tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 tại thị xã Ayun Pa; báo cáo nội dung tổ chức Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung – Tây Nguyên, tổ chức tại Đăk Lăk; tình hình thực hiện Chỉ thị 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012; tham luận và các kiến nghị, đề xuất chuẩn bị cho Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung – Tây nguyên tại Đăk Lăk; tình hình thực hiện Tái cơ cấu kinh tế thuộc lĩnh vực ngành Công Thương giai đoạn 2016-2020; tổng kết Đề án 31 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và Người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp từ năm 2009 đến năm 2016; tình hình thực hiện Chủ trương, chính sách phát triển thị trường nông sản của tỉnh Gia Lai; đề xuất các

doanh nghiệp tỉnh tham dự Diễn đàn xúc tiến xuất khẩu Việt Nam năm 2016; tình hình hoạt động thương mại biên giới 6 tháng đầu năm 2016 trên địa bàn tỉnh; tình hình hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế 6 tháng đầu năm 2016 trên địa bàn tỉnh; tình hình triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 49/NQ-CP ngày 10/7/2014 của Chính Phủ; tình hình hợp tác với Lào và Campuchia từ tháng 9/2015 đến nay; tình hình phát triển thương mại điện tử tỉnh Gia Lai 2011-2015, định hướng phát triển giai đoạn 2016-2020; tình hình triển khai chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011-2020, định hướng đến 2030; tình hình hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh; việc kiểm tra, rà soát các chương trình khuyến mại năm 2015 trên địa bàn tỉnh; kết quả thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam 6 tháng đầu năm 2016 - kế hoạch 6 tháng cuối năm 2016”;

Báo cáo Kết quả thực hiện Đề án “Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

II. Đánh giá chung:

Nhìn chung, 9 tháng đầu năm 2016, trong điều kiện kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức nhưng hoạt động công nghiệp và thương mại của tỉnh tiếp tục có bước phát triển thuận lợi. Riêng giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) ước thực hiện 9 tháng/2016 ước đạt 11.254,17 tỷ đồng, chỉ đạt 67,56% kế hoạch, do tình hình hạn hán kéo dài ảnh hưởng trực tiếp công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 9 tháng ước đạt 34.217,42 tỷ đồng đạt 77,41% kế hoạch và tăng 14,57% so với cùng kỳ; tổng kim ngạch xuất khẩu 9 tháng ước đạt 279,86 triệu USD đạt 70% kế hoạch, tăng 28,4% so với cùng kỳ. Thời điểm thu hoạch niên vụ cà phê 2016 - 2017 sắp tới, giá cà phê xuất khẩu có chiều hướng tăng nên kim ngạch xuất khẩu những tháng cuối năm dự kiến sẽ tăng. Dự ước đến hết năm, kim ngạch xuất khẩu có khả năng đạt 400 triệu USD; tổng kim ngạch nhập khẩu 9 tháng ước đạt 99,9 triệu USD, đạt 68,9% kế hoạch, giảm 30,4% so với cùng kỳ. Việc triển khai Công tác khuyến công còn hạn chế như mô hình trình diễn kỹ thuật và ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vẫn còn ít về số lượng và nội dung, các cơ sở công nghiệp nông thôn được hỗ trợ còn quá ít so với nhu cầu của địa phương; tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu hạn chế về số lượng. Công tác Xúc tiến thương mại gặp một số khó khăn trong quá trình tổ chức các hội chợ ở các tỉnh bạn để quảng bá giới thiệu sản phẩm của địa phương vì nguồn kinh phí ít.

Công tác quản lý thị trường, giá cả được tăng cường đảm bảo, cân đối cung cầu các mặt hàng thiết yếu, phục vụ tốt cho sản xuất và tiêu dùng trên địa bàn tỉnh. Công tác phối hợp với địa phương huyện, thị xã, thành phố về công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành có nhiều tiến bộ và mật thiết hơn. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tình hình nắng hạn, giá một số mặt hàng nông sản và cao su giảm mạnh làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp và kim ngạch xuất khẩu.

B. Nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2016:

1. Những chỉ tiêu chủ yếu:

Căn cứ kết quả 9 tháng đầu năm 2016, Ngành Công Thương đang phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu của ngành năm 2016 như sau:

Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh năm 2010): Ước thực hiện năm 2016 đạt 16.657 tỷ đồng. (còn lại 3 tháng cuối năm đạt 5.402,83 tỷ đồng), đạt 100% kế hoạch.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ: Ước thực hiện năm 2016 đạt 44.200 tỷ đồng (3 tháng cuối năm 9.982,58 tỷ đồng), đạt 100% kế hoạch.

Kim ngạch xuất khẩu: Ước thực hiện năm 2016 đạt 400 triệu USD (3 tháng cuối năm đạt 120 triệu USD), đạt 100% kế hoạch.

2. Những nhiệm vụ giải pháp chủ yếu:

Tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của tỉnh ủy, HĐND tỉnh để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp; tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cơ sở xuất công nghiệp lớn, các dự án mới đầu tư đi vào sản xuất ổn định; tập trung phát triển, hiện đại hóa những ngành công nghiệp có lợi thế so sánh và tác động mạnh đến sự phát triển nhanh, bền vững như: Tiếp tục phát huy tốt 43 nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh (với tổng công suất 2.193,95MW); đảm bảo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến; tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư sớm hoàn thành các dự án mới, mở rộng nâng cấp các nhà máy hiện có.

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình đối với các công trình điện đang thi công trên địa bàn tỉnh. Kiểm tra đôn đốc các chủ dự án đầu tư đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với các Sở, Ngành và địa phương trong quy hoạch và phát triển vùng nguyên liệu cho các Nhà máy công nghiệp trên địa bàn tỉnh như mía đường theo quyết định 62/2013/QĐ-TTg; phối hợp với Ban quản lý các Khu kinh tế tỉnh để tham mưu UBND tỉnh đẩy mạnh phát triển các Khu công nghiệp và Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Lệ Thanh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt: Kế hoạch đấu thầu “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2025 có xét đến 2035”; Đề cương, nhiệm vụ “Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016-2020 có xét đến 2030”; đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án điện mặt trời của Công ty CP Điện Gia Lai vào “Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Gia Lai giai đoạn 2011-2015 có xét đến 2020”; đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt bổ sung dự án thủy điện Ia Glac 2 vào “Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Gia Lai”; phê duyệt bổ sung dự án thủy điện Đăk Đoa 2 vào “Quy hoạch thủy điện vừa và nhỏ tỉnh Gia Lai”.

Phát triển thương mại nội địa và nước ngoài. Chú trọng xuất khẩu để đảm bảo đầu ra cho sản xuất. Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm hàng chủ lực trên thị trường cả phê, gỗ tinh chế, cao su...; nâng cao chất lượng, tăng tỷ lệ mặt hàng xuất khẩu đã qua chế biến. Phát triển khu kinh tế cửa khẩu trong đó chú trọng phát triển thương mại biên giới, thúc đẩy giao lưu, trao đổi thương mại giữa các tỉnh vùng biên Lào và Campuchia.

Hướng dẫn và vận động một số doanh nghiệp hưởng ứng cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh, tổng hợp báo cáo tình hình kịp thời. Tăng cường giám sát các vấn đề phát sinh của một số doanh nghiệp bổ sung đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng; tổ chức phiên chợ hàng Việt tại thành phố Bang Lung – Rattanakiry-Vương quốc Campuchia; Xây dựng Kế hoạch thực hiện chương trình phối hợp năm 2017 giữa Đảng ủy khối doanh nghiệp và Sở Công Thương.

Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, mô hình một cửa điện tử tại cơ quan; đẩy mạnh triển khai thí điểm một số mô hình dịch vụ công, ứng dụng tốt hệ thống quản lý văn bản điều hành của Sở. Tiếp tục rà soát, thực hiện công bố, cập nhật, niêm yết, công khai thủ tục hành chính theo

quy định; tiến hành lập hồ sơ, chỉnh lý hồ sơ còn tồn đọng để đưa vào lưu trữ cơ quan; tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử.

Triển khai thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra theo Kế hoạch năm 2016. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra kiểm soát, quản lý thị trường; tiếp tục tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành tại các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh theo yêu cầu của cấp trên; Tăng cường công tác chống buôn lậu, hàng giả và gian lận thương mại, đặc biệt tập trung các mặt hàng như thuốc lá, phân bón, thuốc chữa bệnh, thực phẩm. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, đặc biệt là tiếp tục tuyên truyền theo Công văn số 198/QLTT-TTĐN ngày 29/02/2016 của Cục Quản lý thị trường về việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật năm 2016./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục Công nghiệp địa phương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng QLCN, QLTM, QLXNK và TMĐT, TT KC&XTTM;
- Lưu VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Bùi Khắc Quang



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 9/2016, ƯỚC NĂM 2016

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH2016	Thực hiện 8 tháng	Ước TH tháng 9	Ước TH 9 tháng	Ước thực hiện năm 2016	So sánh (%)			
							UTH 9 tháng		UTH năm 2016	
							So KH	So cùng kỳ	So KH	So cùng kỳ
1. Tổng MLCHHBL & DT dịch vụ XH	Tỷ đồng	44.200,00	30.106,000	4.058,51	34.217,42	44.200,00	77,41	114,57	100,00	16,31
2. KN Xuất khẩu	1000 USD	400.000,00	237.290,15	42.569,79	279.859,94	400.000,00	69,96	128,40	100,00	129,03
XKTT	1000 USD									
UTXK	1000 USD									
Mặt hàng xuất khẩu										
1. Cà phê	Tấn	140.000,00	85.246,75	15.516,05	100.762,80	140.000,00	71,97	152,77	100,00	148,64
Giá trị	1000 USD		147.266,40	26.124,00	173.390,40	248.000,00		143,84		145,64
2. Mủ cao su	Tấn	12.000,00	4.272,05	2.071,00	6.343,05	10.339,00	52,86	145,37	86,16	107,97
Giá trị	1000 USD		5.430,72	2.972,36	8.403,08	12.000,00		122,71		83,04
3. Gỗ tinh chế	1000 USD	14.000,00	4.116,58	1.601,34	5.717,92	14.000,00	40,84	64,92	100,00	107,69
4. Sản lát	Tấn	80.000,00	78.724,22	16.104,17	94.828,39	110.566,00	118,54	256,49	138,21	216,92
Giá trị	1000 USD		14.207,33	3.010,00	17.217,33	19.000,00		212,34		163,79
5 Hàng khác	1000 USD	95.000,00	66.269,12	8.862,09	75.131,21	107.000,00	79,09	102,02	112,63	106,29
3. KN Nhập khẩu	1000 USD	145.000,00	94.925,00	4.979,00	99.904,00	145.000,00	68,90	69,60	100,00	92,57
Mặt hàng nhập khẩu										
+ Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		21.772,00	3.000,00	24.772,00			113,49		
+ Máy móc thiết bị	1000 USD		480,00		480,00			13,06		
+ Sản lát	Tấn		71.000	200,00	71.200,00			48,73		
Giá trị	1000 USD		11.496,00	32,00	11.528,00			34,87		
+ Hạt điều	Tấn		18.440	100,00	18.540,00			76,93		
Giá trị	1000 USD		27.667,00	160,00	27.827,00			91,11		
+ Đậu tương	Tấn		1.568		1.568,00					
Giá trị	1000 USD		784,00		784,00					
+ Ngô hạt	Tấn		1.500,00		1.500,00					
Giá trị	1000 USD		372,00		372,00					
+ Đậu xanh hạt	Tấn		460,00		460,00					
Giá trị	1000 USD		362,00		362,00					
+ Bò	1000 USD		17.541,00		17.541,00			34,48		
+ Hàng khác	1000 USD		14.451,00	1.787,00	16.238,00			578,69		



BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP THÁNG 9 NĂM 2016
 (Theo giá so sánh 2010)

S TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016	Thực hiện 8 tháng	Ước TH tháng 9	ƯTH 9 tháng	ƯTH 2016	So sánh, %				
								ƯTH / KH 2016	ƯTH 9T /KH 2016	ƯTH 9T/ cùng kỳ	ƯTH 2016/ KH 2016	ƯTH 2016/ cùng kỳ
1	2	3	4	5	6	7	9	9	10	11	12	13
A	GIÁ TRỊ TỔNG SẢN LƯỢNG	10 ⁶ đ	16.657.000	9.594.824	1.659.350	11.254.173	16.657.669	9,96	67,56	100,85	100,00	110,13
1	Công nghiệp khai thác	10 ⁶ đ	253.000	97.695	8.520	106.215	150.000	3,37	41,98	119,07	59,29	63,29
2	Công nghiệp chế biến	10 ⁶ đ	10.084.000	6.961.601	1.103.267	8.064.868	11.074.669	10,94	79,98	106,52	109,82	115,94
3	Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, nước, khí...	10 ⁶ đ	6.250.000	2.501.975	541.601	3.043.577	5.363.000	8,67	48,70	87,93	85,81	100,49
4	Cấp nước và hoạt động xử lý rác thải	10 ⁷ đ	70.000	33.553	5.961	39.514	70.000	8,52	56,45	104,17	100,00	118,64
	SẢN PHẨM CHỦ YẾU											
1	Điện SX trên địa bàn	10 ³ kwh	6.212.390	2.423.710	501.995	2.925.705	5.600.000	8,08	47,09	85,82	90,14	107,51
1.1	Phần TW quản lý	10 ³ kwh	4.835.200	1.903.415	408.475	2.311.890	4.600.000	8,45	47,81	83,21	95,14	109,13
	Phát thủy điện	10 ³ kwh	4.835.200	1.903.415	408.475	2.311.890	4.600.000	8,45	47,81	83,21	95,14	109,13
1.2	Phần địa phương quản lý	10 ³ kwh	1.377.190	520.295	93.520	613.815	1.000.000	6,79	44,57	97,32	72,61	100,60
2	Đường	tấn	250.000	135.559	-	135.559	200.000	0,00	54,22	78,00	80,00	88,89
3	Chè các loại	tấn	1.720	741	275	1.016	1.720	15,99	59,06	85,61	100,00	100,88
4	Tinh bột Sắn	tấn	100.000	74.419	3.500	77.919	130.000	3,50	77,92	123,97	130,00	130,00
5	Gỗ dán ván ép (MDF)	m ³	54.000	21.784	4.000	25.784	47.950	7,41	47,75	86,44	88,80	116,95
6	Xi Măng	tấn	10.000	3.500	-	3.500	5.500	0,00	35,00	118,08	55,00	108,91
7	Đá Granit	m ²	1.260.000	822.861	90.200	913.061	1.260.000	7,16	72,47	116,00	100,00	100,07
8	Gạch các loại	Tr.viên	190	140	14	155	190	7,47	81,39	106,03	100,00	100,00
9	Phân Vi sinh	tấn	80.000	12.663	935	13.598	50.000	1,17	17,00	35,44	62,50	83,06
10	Nước sản xuất - Cty cấp nước GL	10 ³ m ³	7.700	5.387	705	6.092	7.700	9,16	79,12	103,25	100,00	116,67
11	Sản phẩm cơ khí	tấn	11.780	7.469	1.100	8.569	11.780	9,34	72,74	105,01	100,00	102,06
12	Sản phẩm sữa	1000 lít	20.000	2.192		2.192	20.000	-	10,96		100,00	

* Ghi chú:

- Tính 50% sản lượng của các thủy điện Ia Ly, Sê San 3 và Sê San 4 theo Thông tư số 45/2009/TT-BTC ngày 11/3/2009 của Bộ Tài Chính
- Tính 100% sản lượng của TĐ. Ka Nak và 75% sản lượng của An Khê theo văn bản số 15056/BTC-TCT ngày 8/11/2010 của Bộ Tài Chính